

Bản án số: 93/2024/DS-ST

Ngày: 12 - 7 - 2024

*V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Dương Chiêu Hùng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Ông Trịnh Văn Lộc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 124/2024/TLST-DS, ngày 20 tháng 5 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Dương Văn N, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số A, ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số A, đường C, Khóm B, Phường A, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Đặng Ngọc H, sinh năm 1970; (có mặt)

Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1970; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/3/2024 của nguyên đơn ông Dương Văn N cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến T trình bày: Năm 2022 - 2023, ông Dương Văn N có

bán thức ăn tôm sú cho ông Đặng Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng T1, việc mua bán giữa hai bên ông N có lập sổ theo dõi mua bán hàng hóa. Đến ngày 11/7/2023 âm lịch (tức ngày 26/8/2023 dương lịch) hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ thì vợ chồng ông H và bà T1 thừa nhận còn nợ ông N tổng cộng tiền mua thức ăn tôm sú là 352.215.000 đồng (trước đây khởi kiện 352.570.000 đồng là không chính xác). Ông N đã nhiều lần liên hệ yêu cầu thanh toán nhưng ông H và bà T1 chỉ hứa hẹn chứ không thực hiện việc trả tiền cho ông N.

Nay tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc vợ chồng ông Đặng Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng T1 phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Dương Văn N tổng cộng số tiền là 381.448.845 đồng (ba trăm tám mươi một triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi lăm đồng). Trong đó tiền gốc là 352.215.000 đồng; tiền lãi (tính từ ngày 26/8/2023 đến ngày 12/7/2024, yêu cầu tính 10 tháng x 0,83%/tháng) là 29.233.845 đồng.

- *Bị đơn ông Đặng Ngọc H trình bày ý kiến:* Tôi thống nhất với phía nguyên đơn khởi kiện là vợ chồng tôi thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 352.215.000 đồng, nhưng do hiện nay hoàn cảnh gia đình cũng đang gặp khó khăn, nuôi tôm thất mùa nên xin phía nguyên đơn cho tôi mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Đối với nợ lãi thì tôi không đồng ý trả vì khi ông N bán thức ăn cho tôi là đã có kê lời lên rồi.

Bà Nguyễn Thị Hồng T1 vắng mặt tại các buổi giải quyết của Tòa án nên không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng T1 đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà T1.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Dương Văn N với bị đơn ông Đặng Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng T1 là tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có địa chỉ cư trú ở ấp H, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định

tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung vụ án: Năm 2022 - 2023, ông Dương Văn N có bán thức ăn tôm sú cho ông Đặng Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng T1, việc mua bán giữa hai bên ông N có lập sổ theo dõi mua bán hàng hóa. Đến ngày 11/7/2023 âm lịch (tức ngày 26/8/2023 dương lịch) hai bên đã tiến hành đối chiếu công nợ thì vợ chồng ông H và bà T1 thừa nhận còn nợ ông N số tiền là 352.215.000 đồng và được bị đơn ông H thừa nhận, tình tiết nêu trên không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để Tòa án chấp nhận buộc các bị đơn liên đới thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

[3] Về lãi suất: Khi hai bên chót nợ với nhau và không còn giao dịch mua bán nữa thì bị đơn có nghĩa vụ trả nợ, nếu không trả phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật. Do đó nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 26/8/2023 đến ngày 12/7/2024 là 10 tháng 16 ngày, đại diện nguyên đơn yêu cầu tính 10 tháng: $352.215.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 29.233.845 \text{ đồng}$ (hai mươi chín triệu hai trăm ba mươi ba nghìn tám trăm bốn mươi lăm đồng) là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của bị đơn: bị đơn ông H thừa nhận nợ và trình bày do hoàn cảnh khó khăn nên xin mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, vấn đề này sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án. Đối với yêu cầu không tính lãi của bị đơn ông H trình bày, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu không tính lãi của bị đơn.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Dương Văn N có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông Đặng Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng T1 phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147; Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Văn N đối với các bị đơn ông Đặng Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc các bị đơn ông Đặng Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng T1 cùng liên đới thanh toán cho nguyên đơn ông Dương Văn N tổng số tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản còn nợ là 381.448.845 đồng (ba trăm tám mươi một triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm bốn mươi lăm đồng). Trong đó tiền gốc là 352.215.000 đồng; tiền lãi 29.233.845 đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Dương Văn N có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông Đặng Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng T1 cùng liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Đặng Ngọc H và bà Nguyễn Thị Hồng T1 cùng liên đới chịu án phí là 19.072.442 đồng (mười chín triệu không trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn ông Dương Văn N không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.253.175 đồng (chín triệu hai trăm năm mươi ba nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004793 ngày 16/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Dương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chiêu Hùng

